

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 47

2.1.6
DNC
DPI
GƯ
DAP
DAI
2.1.1

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 1 tháng 12 năm 2000, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 1	Ngày 8 tháng 8 năm 2002
Điều chỉnh lần 2	Ngày 25 tháng 3 năm 2004
Điều chỉnh lần 3	Ngày 2 tháng 3 năm 2006
Điều chỉnh lần 4	Ngày 7 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần 5	Ngày 4 tháng 9 năm 2007
Điều chỉnh lần 6	Ngày 28 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần 7	Ngày 16 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần 8	Ngày 6 tháng 4 năm 2011
Điều chỉnh lần 9	Ngày 18 tháng 5 năm 2012
Điều chỉnh lần 10	Ngày 18 tháng 6 năm 2012
Điều chỉnh lần 11	Ngày 21 tháng 8 năm 2012
Điều chỉnh lần 12	Ngày 30 tháng 5 năm 2013
Điều chỉnh lần 13	Ngày 2 tháng 6 năm 2014
Điều chỉnh lần 14	Ngày 22 tháng 7 năm 2014
Điều chỉnh lần 15	Ngày 15 tháng 7 năm 2015
Điều chỉnh lần 16	Ngày 22 tháng 7 năm 2015
Điều chỉnh lần 17	Ngày 11 tháng 9 năm 2015
Điều chỉnh lần 18	Ngày 14 tháng 1 năm 2016
Điều chỉnh lần 19	Ngày 19 tháng 1 năm 2016
Điều chỉnh lần 20	Ngày 21 tháng 6 năm 2016

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 80/UBCK-GPNY ngày 22 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; tư vấn xây dựng; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; dịch vụ sửa chữa nhà và trang trí nội thất; và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 235 Đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Việt Hải	Chủ tịch
Ông Ignatius Joe Budiman	Thành viên
Ông Phan Ngọc Thạnh	Thành viên
Ông Trương Quang Nhật	Thành viên
Ông Lê Quốc Duy	Thành viên
Ông Hà Vũ Hoàng	Thành viên
Ông Trần Sĩ Chương	Thành viên
Ông Phan Văn Trường	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Tùng Thiện	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Bà Cao Thị Diễm Châu	Thành viên

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Viết Hải	Tổng Giám đốc
Ông Lê Viết Hưng	Cố vấn Ban Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Nhật	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Viết Hải.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60933601/18591343/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình ("Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.519.562.508.278	5.707.106.607.913
110	I. Tiền	4	282.313.911.628	109.497.905.103
111	1. Tiền		282.313.911.628	109.497.905.103
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.131.318.861.733	798.448.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	1.131.318.861.733	798.448.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.466.476.209.257	4.400.540.444.976
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.314.091.872.703	1.023.649.147.439
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.306.109.613.078	803.814.722.610
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	8	2.642.216.123.099	2.277.458.095.702
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	304.092.726.842	310.678.267.347
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	10	103.825.794.477	127.664.620.135
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9, 10	(203.859.920.942)	(142.724.408.257)
140	IV. Hàng tồn kho	11	602.882.030.833	365.586.868.854
141	1. Hàng tồn kho		604.343.742.618	368.465.683.906
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.461.711.785)	(2.878.815.052)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		36.571.494.827	33.033.388.980
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	36.571.494.827	32.740.508.905
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	292.880.075
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.321.132.555.799	1.017.480.869.375
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.286.923.352	1.729.047.150
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	2.286.923.352	1.729.047.150
220	II. Tài sản cố định		757.679.863.999	637.888.480.135
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	750.028.554.545	629.620.833.960
222	Nguyên giá		1.179.436.509.765	997.321.736.850
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(429.407.955.220)	(367.700.902.890)
227	2. Tài sản vô hình	14	7.651.309.454	8.267.646.175
228	Nguyên giá		13.117.162.281	13.117.162.281
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.465.852.827)	(4.849.516.106)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	15	24.492.955.181	730.981.718
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.492.955.181	730.981.718
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		416.928.039.295	263.434.380.693
251	1. Đầu tư vào các công ty con	5.2	523.974.142.575	334.685.306.524
252	2. Đầu tư vào các công ty liên kết	5.2	115.998.760.000	134.230.199.051
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2	4.185.000.000	4.185.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.2	(229.506.445.340)	(211.942.706.942)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	2.276.582.060	2.276.582.060
260	V. Tài sản dài hạn khác		119.744.773.972	113.697.979.679
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	115.963.318.138	110.072.610.513
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	3.781.455.834	3.625.369.166
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.840.695.064.077	6.724.587.477.288

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.575.832.903.634	5.585.123.674.372
310	I. Nợ ngắn hạn		7.119.536.480.087	5.234.760.044.305
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	1.945.023.982.838	1.261.459.445.489
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.904.943.707.833	1.417.789.227.612
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	23.690.660.514	27.198.962.939
314	4. Phải trả người lao động		171.060.385.450	173.486.330.160
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	934.670.251.256	609.375.899.473
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	137.472.308.204	3.505.014.497
320	7. Vay ngắn hạn	21	1.992.499.596.024	1.741.945.164.135
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	10.175.587.968	-
330	II. Nợ dài hạn		456.296.423.547	350.363.630.067
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	17	131.411.599.060	193.330.638.539
338	2. Vay dài hạn	21	242.473.949.245	88.502.187.970
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	23	82.410.875.242	68.530.803.558
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.264.862.160.443	1.139.463.802.916
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	1.264.862.160.443	1.139.463.802.916
411	1. Vốn cổ phần		944.474.670.000	755.598.370.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		944.474.670.000	755.598.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		30.494.112.981	106.043.322.981
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		94.548.441.157	94.548.441.157
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		195.344.936.305	183.273.668.778
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		68.782.578.778	27.593.377.568
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		126.562.357.527	155.680.291.210
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.840.695.064.077	6.724.587.477.288

Phạm Hữu Toán

Phạm Hữu Toán
Người lập

Nguyễn Thị Nguyên Thủy

Nguyễn Thị Nguyên Thủy
Kế toán trưởng



Lê Việt Hải


Lê Việt Hải
Tổng Giám đốc


Ngày 26 tháng 8 năm 2016


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	4.058.674.668.308	2.478.956.009.564
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(20.187.625.943)	(37.082.225.320)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	4.038.487.042.365	2.441.873.784.244
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(3.740.149.475.166)	(2.309.488.413.422)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		298.337.567.199	132.385.370.822
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	84.215.115.674	52.488.676.084
22	7. Chi phí tài chính	27	(80.217.428.382)	(67.688.178.049)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(61.471.395.372)	(52.631.423.813)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(140.920.877.774)	(47.621.609.152)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		161.414.376.717	69.564.259.705
31	10. Thu nhập khác	29	8.556.065.691	14.210.245.628
32	11. Chi phí khác	29	(3.100.544.732)	(1.495.671.850)
40	12. Lợi nhuận khác	29	5.455.520.959	12.714.573.778
50	13. Lợi nhuận kế toán trước thuế		166.869.897.676	82.278.833.483
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(26.183.475.530)	(18.316.653.031)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.1	156.086.668	124.050.167
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		140.842.508.814	64.086.230.619


Phạm Hữu Toàn
Người lập


Nguyễn Thị Nguyên Thủy
Kế toán trưởng


Lê Việt Hải
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		166.869.897.676	82.278.833.483
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	13, 14	69.031.788.316	45.393.521.279
03	Các khoản dự phòng		91.162.219.500	6.673.012.319
04	Chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(205.223.539)	107.240.784
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(81.685.500.888)	(52.913.504.234)
06	Chi phí lãi vay	27	61.471.395.372	52.631.423.813
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		306.644.576.437	134.170.527.444
09	Tăng các khoản phải thu		(1.221.383.236.988)	(774.937.726.302)
10	Tăng hàng tồn kho		(235.878.058.712)	(60.324.044.973)
11	Tăng các khoản phải trả		1.646.221.370.003	903.304.011.505
12	Tăng chi phí trả trước		(9.721.693.547)	(46.802.482.829)
14	Tiền lãi vay đã trả		(59.657.710.386)	(53.675.869.929)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(27.130.013.649)	(22.384.364.098)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	30.2	713.284.243	610.920.594
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7.880.704.615)	(8.014.391.386)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		391.927.812.786	71.946.580.026
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(215.528.508.631)	(115.331.628.587)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1.304.172.627	1.732.308.725
23	Tiền gửi tiết kiệm, chi cho vay		(438.085.170.691)	(653.678.998.155)
24	Tiền thu hồi cho vay		37.699.020.497	88.205.851.585
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(113.012.397.000)	(4.127.940.327)
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		103.966.140.183	17.902.340.765
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(623.656.743.015)	(665.298.065.994)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	87.011.482.757
33	Tiền thu từ đi vay		2.520.226.270.782	2.156.204.640.949
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.115.700.077.618)	(1.867.885.168.414)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		404.526.193.164	375.330.955.292

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		172.797.262.935	(218.020.530.676)
60	Tiền đầu kỳ		109.497.905.103	321.993.167.237
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		18.743.590	189.634.720
70	Tiền cuối kỳ	4	282.313.911.628	104.162.271.281



Phạm Hữu Toàn
Người lập



Nguyễn Thị Nguyên Thủy
Kế toán trưởng




Lê Việt Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 1 tháng 12 năm 2000, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 1	Ngày 8 tháng 8 năm 2002
Điều chỉnh lần 2	Ngày 25 tháng 3 năm 2004
Điều chỉnh lần 3	Ngày 2 tháng 3 năm 2006
Điều chỉnh lần 4	Ngày 7 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần 5	Ngày 4 tháng 9 năm 2007
Điều chỉnh lần 6	Ngày 28 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần 7	Ngày 16 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần 8	Ngày 6 tháng 4 năm 2011
Điều chỉnh lần 9	Ngày 18 tháng 5 năm 2012
Điều chỉnh lần 10	Ngày 18 tháng 6 năm 2012
Điều chỉnh lần 11	Ngày 21 tháng 8 năm 2012
Điều chỉnh lần 12	Ngày 30 tháng 5 năm 2013
Điều chỉnh lần 13	Ngày 2 tháng 6 năm 2014
Điều chỉnh lần 14	Ngày 22 tháng 7 năm 2014
Điều chỉnh lần 15	Ngày 15 tháng 7 năm 2015
Điều chỉnh lần 16	Ngày 22 tháng 7 năm 2015
Điều chỉnh lần 17	Ngày 11 tháng 9 năm 2015
Điều chỉnh lần 18	Ngày 14 tháng 1 năm 2016
Điều chỉnh lần 19	Ngày 19 tháng 1 năm 2016
Điều chỉnh lần 20	Ngày 21 tháng 6 năm 2016

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 80/UBCK-GPNY ngày 22 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; tư vấn xây dựng; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; dịch vụ sửa chữa nhà và trang trí nội thất; và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 235 Đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 4.795 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.312).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 5.2.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT – Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại, và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp nhập trước xuất trước. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí xây dựng chung có liên quan. |
| Hàng hóa bất động sản để bán | - | chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, và hàng hóa bất động sản để bán thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Tài sản vô hình*

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	44 - 50 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 6 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Tài sản vô hình khác	5 - 10 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ dụng cụ sử dụng cho việc xây dựng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong khoảng thời gian từ 6 đến 36 tháng theo phương pháp đường thẳng.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên của khoản trích trước này sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Doanh thu bán hàng hóa bất động sản

Doanh thu bán hàng hóa bất động sản được ghi nhận khi các rủi ro và các quyền sở hữu hàng hóa bất động sản đã được chuyển sang người mua.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	18.410.534	36.231.710
Tiền gửi ngân hàng (*)	282.295.501.094	109.461.673.393
TỔNG CỘNG	282.313.911.628	109.497.905.103

(*) Tiền gửi ngân hàng được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21.1).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	1.131.318.861.733	798.448.000.000
Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	2.276.582.060	2.276.582.060
TỔNG CỘNG	1.133.595.443.793	800.724.582.060

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 đến 7 tháng. Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn 21 tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 5.2.1)	523.974.142.575	334.685.306.524
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 5.2.2)	115.998.760.000	134.230.199.051
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 5.2.3)	4.185.000.000	4.185.000.000
TỔNG CỘNG	644.157.902.575	473.100.505.575
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(229.506.445.340)	(211.942.706.942)
Trong đó:		
Đầu tư vào các công ty con	(214.120.073.812)	(195.924.735.199)
Đầu tư vào các công ty liên kết	(15.307.980.852)	(15.939.581.067)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(78.390.676)	(78.390.676)
ĐẦU TƯ THUẬN	416.928.039.295	261.157.798.633

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
			% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình ("HBI") (i)	Đầu tư, xây dựng khu công nghiệp	Đang hoạt động	97,87	188.833.939.051	-	-
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Kinh doanh phát triển các dự án bất động sản	Đang hoạt động	99,85	134.800.000.000	99,85	134.800.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Xây dựng nhà các loại, hoàn thiện công trình xây dựng; xây dựng công trình đường bộ; chuần bị mặt bằng; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; trang trí nội thất và kinh doanh bất động sản	Ngừng hoạt động	100,00	65.000.000.000	100,00	65.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Sản xuất, mua bán, gia công và lắp đặt hàng mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất	Đang hoạt động	98,90	49.450.000.000	98,90	49.450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hòa Yên	Đầu tư các dự án xây dựng công trình giao thông	Đang hoạt động	99,55	39.925.897.073	99,53	39.471.000.073
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Cho thuê máy móc cơ điện và thiết bị xây dựng	Đang hoạt động	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy	Trang trí nội thất; sản xuất vật liệu xây dựng (cửa nhôm); san lấp mặt bằng; và mua bán vật tư xây dựng	Đang hoạt động	99,55	10.950.000.000	99,55	10.950.000.000

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau: (tiếp theo)

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
			% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; xúc tiến thương mại, đại lý ký gửi hàng hóa; dịch vụ quảng cáo; lắp đặt và gia công hàng trang trí nội thất	Đang hoạt động	58,20	8.551.000.000	58,20	8.551.000.000
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ trang trí nội thất	Đang hoạt động	100,00	6.800.000.000	100,00	6.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Bình Huế	Đầu tư vào Khu biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp Le Royal An Nam	Ngừng hoạt động	95,84	5.700.000.000	95,84	5.700.000.000
Công ty Cổ phần Vị Tâm	Bán buôn và bán lẻ thực phẩm và đồ uống	Ngừng hoạt động	71,05	2.160.000.000	71,05	2.160.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Tư vấn xây dựng, khảo sát công trình, thiết kế kiến trúc công trình	Đang hoạt động	74,67	736.806.451	74,67	736.806.451
Công ty TNHH Hòa Bình Myanmar	Thiết kế, xây dựng và cung cấp dịch vụ giám định kỹ thuật, quản lý xây dựng và quản lý dự án	Trước hoạt động	100,00	1.066.500.000	100,00	1.066.500.000
TỔNG CỘNG				523.974.142.575		334.685.306.524
Dự phòng đầu tư vào các công ty con				(214.120.073.812)		(195.924.735.199)
ĐẦU TƯ THUẬN				309.854.068.763		138.760.571.325

(i) Công ty đã mua thêm 7.330.000 cổ phiếu của HBI từ Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR với tổng giá trị đầu tư trị giá 109.950.000.000 VND, theo thỏa thuận mua bán cổ phần ngày 3 tháng 3 năm 2016. Theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu trong HBI từ 49,00% lên 97,87% và HBI từ công ty liên kết trở thành công ty con (Thuyết minh số 5.2.2).

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
			% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
Công ty TNHH Sài Gòn Ngày Mới (i)	Kinh doanh phát triển các dự án bất động sản	Đang hoạt động	25,43	58.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	Môi giới, tư vấn đầu tư và tự doanh chứng khoán	Đang hoạt động	42,34	40.577.500.000	37,30	37.925.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hòa Bình Jesco	Thi công lắp đặt trang thiết bị công trình xây dựng hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống làm lạnh	Đang hoạt động	47,82	17.421.260.000	47,82	17.421.260.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Đầu tư, xây dựng khu công nghiệp	Đang hoạt động	-	-	49,00	78.883.939.051
TỔNG CỘNG				115.998.760.000		134.230.199.051
Dự phòng đầu tư vào các công ty liên kết				(15.307.980.852)		(15.939.581.067)
ĐẦU TƯ THUẬN				100.690.779.148		118.290.617.984

(i) Vào ngày 30 tháng 5 năm 2016, Công ty đã mua 33.053.980.000 VND vốn điều lệ, tương đương với tỷ lệ sở hữu 62,37% trong Công ty TNHH Sài Gòn Ngày Mới ("SGNM"), một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên. Thành viên còn lại của SGNM sau đó đã góp thêm 77.000.000.000 VND vốn điều lệ, làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty trong SGNM xuống còn 25,43%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Jesco Asia	4.185.000.000	4.185.000.000
Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(78.390.676)	(78.390.676)
ĐẦU TƯ THUẬN	<u>4.106.609.324</u>	<u>4.106.609.324</u>

Đây là khoản đầu tư 6,15% vốn điều lệ của Công ty vào Công ty Cổ phần Jesco Asia theo Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ ba số 411032000117 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu các bên khác	1.277.813.162.192	1.013.824.374.887
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	36.278.710.511	9.824.772.552
TỔNG CỘNG	<u>1.314.091.872.703</u>	<u>1.023.649.147.439</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(45.369.214.476)	(44.803.673.036)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>1.268.722.658.227</u>	<u>978.845.474.403</u>

Phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	(44.803.673.036)	(36.473.019.866)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(2.835.226.764)	(5.315.837.611)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	2.269.685.324	6.785.362.029
Số cuối kỳ	<u>(45.369.214.476)</u>	<u>(35.003.495.448)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho bên khác	1.109.233.030.806	622.219.472.330
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	<u>196.876.582.272</u>	<u>181.595.250.280</u>
TỔNG CỘNG	1.306.109.613.078	803.814.722.610
Dự phòng trả trước khó đòi	<u>(525.000.000)</u>	<u>(525.000.000)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.305.584.613.078</u>	<u>803.289.722.610</u>

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu các bên khác	2.590.998.444.603	2.222.802.690.379
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	<u>51.217.678.496</u>	<u>54.655.405.323</u>
TỔNG CỘNG	2.642.216.123.099	2.277.458.095.702
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(130.684.645.335)</u>	<u>(91.258.078.186)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>2.511.531.477.764</u>	<u>2.186.200.017.516</u>

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	(91.258.078.186)	(155.448.133.048)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(55.286.338.851)	(22.840.849.599)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>15.859.771.702</u>	<u>51.958.197.247</u>
Số cuối kỳ	<u>(130.684.645.335)</u>	<u>(126.330.785.400)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cho bên liên quan vay (<i>Thuyết minh số 31</i>)	291.683.700.862	283.880.294.880
Cho các bên khác vay	12.409.025.980	26.797.972.467
TỔNG CỘNG	304.092.726.842	310.678.267.347
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.876.340.535)	(1.876.340.535)
GIÁ TRỊ THUẦN	302.216.386.307	308.801.926.812

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho vay có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	(1.876.340.535)	(8.880.730.653)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(6.204.963.064)
Số cuối kỳ	(1.876.340.535)	(15.085.693.717)

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Lãi phải thu từ các bên khác	27.542.926.675	25.022.137.775
Lãi ngân hàng	22.868.414.884	15.410.873.279
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	15.855.993.346	16.727.557.396
Tạm ứng cho nhân viên	8.936.843.837	7.208.818.205
Các khoản ký quỹ	8.489.953.785	7.345.672.934
Phải thu từ nhân viên	4.056.712.589	5.704.272.047
Cổ tức phải thu	-	38.722.599.353
Khác	16.074.949.361	11.522.689.146
	103.825.794.477	127.664.620.135
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (*)	(25.404.720.596)	(4.261.316.500)
GIÁ TRỊ THUẦN	78.421.073.881	123.403.303.635
Dài hạn		
Kỳ quỹ cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	1.347.086.352	1.055.847.327
Kỳ quỹ cho bên khác	939.837.000	673.199.823
	2.286.923.352	1.729.047.150
GIÁ TRỊ THUẦN	80.707.997.233	125.132.350.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khác khó đòi:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	(4.261.316.500)	(15.087.693.330)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(22.559.769.339)	(11.057.188.997)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	1.416.365.243	485.720.614
Số cuối kỳ	(25.404.720.596)	(25.659.161.713)

11. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên vật liệu xây dựng	214.749.374.501	-	164.316.798.468	(225.352.538)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	315.655.150.085	-	122.457.460.840	-
Hàng hóa bất động sản	73.939.218.032	(1.461.711.785)	81.691.424.598	(2.653.462.514)
TỔNG CỘNG	604.343.742.618	(1.461.711.785)	368.465.683.906	(2.878.815.052)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	(2.878.815.052)	(7.828.995.501)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(351.741.551)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	1.417.103.267	2.161.045.346
Số cuối kỳ	(1.461.711.785)	(6.019.691.706)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ sử dụng cho công trình xây dựng	32.703.183.201	27.417.914.821
Khác	3.868.311.626	5.322.594.084
	<u>36.571.494.827</u>	<u>32.740.508.905</u>
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ sử dụng cho công trình xây dựng	103.407.909.709	95.635.156.264
Phi bảo lãnh	11.770.013.669	12.229.487.364
Khác	785.394.760	2.207.966.885
	<u>115.963.318.138</u>	<u>110.072.610.513</u>
TỔNG CỘNG	<u>152.534.812.965</u>	<u>142.813.119.418</u>

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	529.630.366	965.175.764.577	20.233.774.764	11.382.567.143	997.321.736.850
Mua mới	-	112.275.141.092	4.252.200.000	656.119.649	117.183.460.741
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	74.583.074.427	-	-	74.583.074.427
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.651.762.253)	-	-	(9.651.762.253)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	529.630.366	1.142.382.217.843	24.485.974.764	12.038.686.792	1.179.436.509.765
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	31.406.891.090	1.137.487.051	658.466.939	33.202.845.080
Giá trị khấu hao lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(170.482.694)	(352.435.651.630)	(9.596.466.048)	(5.498.302.518)	(367.700.902.890)
Khấu hao trong kỳ	(5.536.500)	(66.625.025.699)	(966.202.657)	(818.686.739)	(68.415.451.595)
Thanh lý, nhượng bán	-	6.708.399.265	-	-	6.708.399.265
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(176.019.194)	(412.352.278.064)	(10.562.668.705)	(6.316.989.257)	(429.407.955.220)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	359.147.672	612.740.112.947	10.637.308.716	5.884.264.625	629.620.833.960
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	353.611.172	730.029.939.779	13.923.306.059	5.721.697.535	750.028.554.545
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21)	181.101.847	36.740.719.636	-	-	36.921.821.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.500.924.600	7.400.232.323	1.216.005.358	13.117.162.281
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	434.314.925	82.947.423	517.262.348
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(4.180.070.360)	(669.445.746)	(4.849.516.106)
Hao mòn trong kỳ	-	(524.668.469)	(91.668.252)	(616.336.721)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	(4.704.738.829)	(761.113.998)	(5.465.852.827)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	4.500.924.600	3.220.161.963	546.559.612	8.267.646.175
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.500.924.600	2.695.493.494	454.891.360	7.651.309.454
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21.1)	4.500.924.600	-	-	4.500.924.600

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trung tâm Sáng tạo Hòa Bình	16.392.628.535	-
Thiết bị đang lắp đặt	8.100.326.646	730.981.718
TỔNG CỘNG	24.492.955.181	730.981.718

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho bên khác	1.770.423.826.882	1.084.676.822.990
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	174.600.155.956	176.782.622.499
TỔNG CỘNG	1.945.023.982.838	1.261.459.445.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Tiền trả trước từ các bên khác	1.867.235.548.323	1.375.589.328.623
Trong đó:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	205.547.277.000	276.144.546.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	192.823.659.968	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	121.044.253.018	184.303.783.812
Khác	1.347.820.358.337	915.140.998.811
Tiền trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	37.708.159.510	42.199.898.989
	<u>1.904.943.707.833</u>	<u>1.417.789.227.612</u>
Dài hạn		
Tiền trả trước từ các bên khác	103.636.990.413	156.416.294.005
Tiền trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	27.774.608.647	36.914.344.534
	<u>131.411.599.060</u>	<u>193.330.638.539</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.036.355.306.893</u>	<u>1.611.119.866.151</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	292.880.075	-	(292.880.075)	-
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.2)	18.796.994.787	26.183.475.530	(27.130.013.649)	17.850.456.668
Thuế giá trị gia tăng	8.401.968.152	51.098.918.373	(55.211.908.723)	4.288.977.802
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.008.226.743	(7.457.000.699)	1.551.226.044
TỔNG CỘNG	<u>27.198.962.939</u>	<u>86.290.620.646</u>	<u>(89.798.923.071)</u>	<u>23.690.660.514</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí xây dựng phải trả nhà thầu phụ	910.524.178.168	587.915.618.148
Trong đó:		
Bên khác	762.878.787.000	437.378.797.230
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	147.645.391.168	150.536.820.918
Chi phí lãi vay	4.256.470.116	2.442.785.130
Khác	19.889.602.972	19.017.496.195
TỔNG CỘNG	<u>934.670.251.256</u>	<u>609.375.899.473</u>

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	131.249.714.410	1.444.500.000
Cổ tức phải trả	600.061.065	600.061.065
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	545.068.217	568.012.972
Khác	5.077.464.512	892.440.460
TỔNG CỘNG	<u>137.472.308.204</u>	<u>3.505.014.497</u>

21. VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	1.935.235.636.802	1.709.660.984.082
Vay bên khác (Thuyết minh số 21.2)	6.535.596.544	7.602.723.304
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	50.728.362.678	24.681.456.749
	<u>1.992.499.596.024</u>	<u>1.741.945.164.135</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21.3)	193.202.311.923	113.183.644.719
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 21.4)	100.000.000.000	-
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả	50.728.362.678	24.681.456.749
Nợ dài hạn	242.473.949.245	88.502.187.970
TỔNG CỘNG	<u>2.234.973.545.269</u>	<u>1.830.447.352.105</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.1. Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 4, 6, 8, 13, và 14)
(VND)				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quận 1	818.949.281.393	Từ ngày 22 tháng 7 năm 2016 đến ngày 16 tháng 11 năm 2016	Lãi suất cơ bản cộng 2,0%/năm	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	551.952.721.396	Từ ngày 6 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 10 năm 2016	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Quyền sử dụng đất; nhà cửa, vật kiến trúc; tiền gửi thanh toán; phải thu ngắn hạn của khách hàng và được bảo lãnh bởi các cá nhân
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	193.792.813.691	Từ ngày 13 tháng 8 năm 2016 đến ngày 16 tháng 11 năm 2016	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 1	106.535.529.060	Từ ngày 22 tháng 7 năm 2016 đến ngày 7 tháng 9 năm 2016	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Phát triển - Chi nhánh Hà Nội	100.988.485.971	Từ ngày 4 tháng 8 năm 2016 đến ngày 22 tháng 3 năm 2017	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	70.482.454.903	Từ ngày 4 tháng 8 năm 2016 đến ngày 6 tháng 9 năm 2016	Lãi suất cơ bản cộng 2,0%/năm	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	60.268.100.468	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2016 đến ngày 6 tháng 10 năm 2016	Lãi suất cơ bản cộng 3,8%/năm	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	32.266.249.920	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2016 đến ngày 21 tháng 9 năm 2016	5,5%/năm	Phải thu ngắn hạn của khách hàng
TỔNG CỘNG	<u>1.935.235.636.802</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.2. Vay ngắn hạn từ bên khác

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Người cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo
Cá nhân	5.277.922.481	Từ ngày 6 tháng 8 năm 2016 đến ngày 23 tháng 6 năm 2017	5,0 - 7,5	Tin chấp
Nhân viên	1.257.674.063	Không xác định	7,0	Tin chấp
TỔNG CỘNG	6.535.596.544			

21.3. Vay dài hạn từ ngân hàng

Công ty sử dụng khoản vay dài hạn này nhằm bổ sung nguồn vốn mua máy móc, thiết bị phục vụ công việc xây dựng. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 13)
-----------	--------------------------------------	--------------	----------	---

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 1

Hợp đồng vay số 26/2012 HĐTĐ-NDL	3.559.003.860	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2016 đến ngày 25 tháng 7 năm 2017	Lãi suất cơ bản cộng 4,5%/năm	Máy móc, thiết bị
-------------------------------------	---------------	--	-------------------------------	-------------------

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	3.312.000.000
Vay dài hạn	247.003.860

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 20/2015/101285/HĐT D và Phụ lục số PL01/20/2015/101285/ HĐTĐ	156.880.276.728	Ngày 3 tháng 7 năm 2016 đến ngày 4 tháng 12 năm 2020	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng 3%/năm	Máy móc, thiết bị
--	-----------------	--	---	-------------------

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	41.459.447.890
Vay dài hạn	115.420.828.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.3. Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 13)
-----------	--------------------------	--------------	----------	--

(VND)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Hợp đồng vay số 0044/ĐTDA/15CD	32.763.031.335	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2016 đến ngày 23 tháng 12 năm 2021	Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân	Máy móc, thiết bị
--------------------------------	----------------	---	--	-------------------

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	5.956.914.788
Vay dài hạn	26.806.116.547

TỔNG CỘNG 193.202.311.923

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	50.728.362.678
Vay dài hạn	142.473.949.245

21.3. Vay dài hạn từ bên liên quan

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động dài hạn. Chi tiết như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo
---------------	--------------------------	--------------	----------	--------------------------

(VND)

(%/năm)

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	<u>100.000.000.000</u>	Ngày 28 tháng 2 năm 2021	5,0	Tín chấp
--	------------------------	--------------------------	-----	----------

Trong đó:

Vay dài hạn	100.000.000.000
-------------	-----------------

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	-	69.485.804
Đã chi quỹ từ các kỳ trước	(1.465.389.414)	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.280.151.287	5.678.380.273
Chi quỹ trong kỳ	(2.639.173.905)	(488.788.718)
Số cuối kỳ	<u>10.175.587.968</u>	<u>5.259.077.359</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự phòng chi phí bảo hành	63.719.060.072	50.403.957.727
Dự phòng trợ cấp thôi việc	18.691.815.170	18.126.845.831
TỔNG CỘNG	<u>82.410.875.242</u>	<u>68.530.803.558</u>

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	573.685.670.000	301.199.313.203 (23.061.590.222)	(110.073.072.979) 110.073.072.979	94.548.441.157	114.286.228.068	973.646.579.449
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	87.011.482.757
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	64.086.230.619	64.086.230.619
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(86.052.850.500)	(86.052.850.500)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.678.380.273)	(5.678.380.273)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(696.000.000)	(696.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	573.685.670.000	278.137.722.981	-	94.548.441.157	85.945.227.914	1.032.317.062.052
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	755.598.370.000	106.043.322.981	-	94.548.441.157	183.273.668.778	1.139.463.802.916
Phát hành cổ phiếu mới (*)	188.876.300.000	(75.549.210.000)	-	-	(113.327.090.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	140.842.508.814	140.842.508.814
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.280.151.287)	(14.280.151.287)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(1.164.000.000)	(1.164.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	944.474.670.000	30.494.112.981	-	94.548.441.157	195.344.936.305	1.264.862.160.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 28 tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành 18.887.630 cổ phiếu mới với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, trong đó 11.332.709 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu và 7.554.921 cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần. Việc phát hành trên theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2016/NQ-DHCD.HBC ngày 27 tháng 4 năm 2016, và Nghị quyết của Ban Tổng Giám đốc số 03/2016/NQ-HDQT.HBC ngày 17 tháng 5 năm 2016. Vào ngày 21 tháng 6 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, chấp thuận cho việc tăng vốn cổ phần. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 755.598.370.000 VND lên 944.474.670.000 VND.

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu kỳ	755.598.370.000	573.685.670.000
Tăng trong kỳ	188.876.300.000	-
Vốn góp cuối kỳ	<u>944.474.670.000</u>	<u>573.685.670.000</u>
Cổ tức		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	(113.327.090.000)	-
Cổ tức phải trả bằng tiền	-	(86.052.850.500)

24.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	94.447.467	75.559.837
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	94.447.467	75.559.837
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	94.447.467	75.559.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu gộp	4.058.674.668.308	2.478.956.009.564
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	3.900.828.300.199	2.365.149.443.746
<i>Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị</i>	150.438.296.363	97.853.815.416
<i>Doanh thu bán hàng hóa bất động sản</i>	7.408.071.746	15.952.750.402
Các khoản giảm trừ doanh thu	(20.187.625.943)	(37.082.225.320)
DOANH THU THUẬN	4.038.487.042.365	2.441.873.784.244
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng (*)</i>	3.880.640.674.256	2.328.067.218.426
<i>Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị</i>	150.438.296.363	97.853.815.416
<i>Doanh thu bán hàng hóa bất động sản</i>	7.408.071.746	15.952.750.402

(*) Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ và doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	3.385.030.352.575	1.990.693.945.697
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	495.610.321.681	337.373.272.729
TỔNG CỘNG	3.880.640.674.256	2.328.067.218.426
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện đến ngày cuối kỳ	7.520.412.443.360	3.511.408.120.836

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.614.691.249	51.199.945.761
Cổ tức được chia	36.710.000.000	1.117.220.540
Khác	890.424.425	171.509.783
TỔNG CỘNG	84.215.115.674	52.488.676.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.651.787.292.839	2.239.646.567.422
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị	81.111.422.273	52.492.228.749
Giá vốn bán hàng hóa bất động sản	7.250.760.054	17.349.617.251
TỔNG CỘNG	<u>3.740.149.475.166</u>	<u>2.309.488.413.422</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí lãi vay	61.471.395.372	52.631.423.813
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	17.563.738.398	14.515.457.462
Khác	1.182.294.612	541.296.774
TỔNG CỘNG	<u>80.217.428.382</u>	<u>67.688.178.049</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	61.135.512.685	(13.810.440.619)
Chi phí nhân viên	46.510.069.521	33.862.594.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.191.278.897	13.324.003.674
Khấu hao và hao mòn	2.823.903.576	2.105.302.565
Khác	7.704.163.319	12.140.149.232
TỔNG CỘNG	<u>140.920.877.774</u>	<u>47.621.609.152</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	8.556.065.691	14.210.245.628
Lãi chậm thanh toán	4.595.737.332	13.364.649.954
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	596.337.933
Khác	3.960.328.359	249.257.741
Chi phí khác	(3.100.544.732)	(1.495.671.850)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(1.639.190.361)	-
Khác	(1.461.354.371)	(1.495.671.850)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>5.455.520.959</u>	<u>12.714.573.778</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 : 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.183.475.530	18.316.653.031
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(156.086.668)	(124.050.167)
TỔNG CỘNG	<u>26.027.388.862</u>	<u>18.192.602.864</u>

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	166.869.897.676	82.278.833.483
<i>Điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán</i>		
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	564.969.339	2.039.733.334
Chi phí không được khấu trừ	192.510.635	56.167.500
Cổ tức nhận được	<u>(36.710.000.000)</u>	<u>(1.117.220.540)</u>
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	130.917.377.650	83.257.513.777
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	26.183.475.530	18.316.653.031
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	18.796.994.787	17.368.364.098
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	<u>(27.130.013.649)</u>	<u>(22.384.364.098)</u>
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	17.850.456.668	13.300.653.031

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.781.455.834	3.625.369.166	156.086.668	124.050.167
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.781.455.834	3.625.369.166		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			156.086.668	124.050.167

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những nghiệp vụ trọng yếu với bên liên quan được trình bày trong kỳ như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Công ty con	Thuê máy móc thiết bị	285.515.883.976	132.768.280.839
		Cho thuê máy móc thiết bị	150.438.296.363	97.853.815.416
		Chi trả hộ	-	60.311.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những nghiệp vụ trọng yếu với bên liên quan được trình bày trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hòa Bình Jesco	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	50.778.599.010	109.364.906.148
		Cho vay	5.126.190.108	-
		Lãi cho vay	26.190.108	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Bên liên quan	Cho vay	40.000.000.000	-
		Lãi cho vay	1.712.872.714	-
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Lãi cho vay	6.864.561.253	3.652.332.691
		Thuê văn phòng	4.544.132.629	3.920.001.378
		Chi phí dịch vụ	707.908.878	-
		Dịch vụ môi giới	-	336.157.559
		Doanh thu cho thuê	-	218.181.818
		Cho vay	-	54.856.800.071
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Cho vay	12.326.546.226	31.264.334.501
		Chi phí thầu phụ	20.199.618.536	15.713.080.539
		Lãi cho vay	963.537.156	2.034.581.302
		Mua tài sản cố định	-	327.272.727
Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy	Công ty con	Chi phí thầu phụ	38.268.450.916	11.849.706.422
		Dịch vụ xây dựng cung cấp	35.069.882.664	-
		Cho vay	2.031.178.396	6.230.000.000
		Lãi cho vay	31.178.396	258.793.146
		Cổ tức	-	1.117.220.540
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Công ty con	Mua vật tư xây dựng	3.504.067.528	19.012.495.287
		Cho vay	1.283.686.720	6.088.000.000
		Lãi cho vay	176.475.470	105.748.984
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	420.397.200	490.957.600
		Chi hộ	52.404.339	1.373.886.537
		Cho vay	-	11.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	4.558.950.000	4.305.045.051
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Vay	100.000.000.000	-
		Mượn tiền	100.000.000.000	-
		Cổ tức nhận được	36.710.000.000	-
		Chi phí lãi vay	1.652.777.778	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Yên	Công ty con	Góp vốn	454.897.000	361.440.327
Công ty TNHH Hòa Bình Myanmar	Công ty con	Góp vốn	-	1.066.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hòa Bình Huế	Công ty con	Chi hộ	-	45.549.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy	Công ty con	Chi phí thầu phụ	33.754.762.064	-
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	2.457.281.479	3.496.449.122
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	66.666.968	5.746.236.430
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	-	582.087.000
			36.278.710.511	9.824.772.552
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hòa Bình Jesco	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	72.934.718.126	95.987.411.887
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	43.494.022.051	36.704.804.455
Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy	Công ty con	Chi phí thầu phụ	39.654.478.794	11.477.132.281
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	32.708.149.029	28.076.310.872
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Công ty con	Chi phí thầu phụ	5.521.114.272	6.547.382.285
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	2.564.100.000	2.802.208.500
			196.876.582.272	181.595.250.280
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Cho vay	195.127.360.347	216.596.807.184
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Bên liên quan	Cho vay	78.648.991.981	38.360.822.478
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Cho vay	13.084.257.043	19.110.756.651
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Công ty con	Cho vay	3.246.750.956	2.992.011.613
Công ty Cổ phần Vị Tâm	Công ty con	Cho vay	1.576.340.535	1.576.340.535
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hòa Bình Jesco	Công ty liên kết	Cho vay	-	3.106.027.778
Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy	Công ty con	Cho vay	-	2.137.528.641
			291.683.700.862	283.880.294.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiên Phát	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	50.698.775.696	54.126.235.323
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	518.902.800	529.170.000
			51.217.678.496	54.655.405.323
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Chi phí trả hộ	15.442.165.681	15.442.165.681
Công ty Cổ phần Đầu tư Hòa Bình Huế	Công ty con	Lãi vay	144.247.997	144.247.997
Công ty Cổ phần Vị Tâm	Công ty con	Lãi vay	101.493.400	101.493.400
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Công ty con	Chi phí trả hộ	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Công ty con	Chi phí trả hộ	41.375.218	17.089.272
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hòa Bình Jesco	Công ty liên kết	Chi phí trả hộ	15.411.200	-
Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy	Công ty con	Cổ tức	9.254.350	786.175.456
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí trả hộ	1.045.500	-
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí trả hộ	1.000.000	-
Công ty TNHH Hòa Bình Myanmar	Công ty con	Chi phí trả hộ	-	191.385.590
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Yên	Công ty con	Lãi vay	-	45.000.000
			15.855.993.346	16.727.557.396
Phải thu khác dài hạn				
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	Công ty con	Kỳ quỹ thuê văn phòng	1.347.086.352	1.055.847.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hòa Bình Jesco	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	61.657.250.315	84.001.747.509
Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec	Công ty con	Thuê máy móc	42.591.967.619	16.088.679.510
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	30.434.507.581	39.630.661.035
Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy	Công ty con	Chi phí thầu phụ	19.902.163.928	14.294.991.270
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Công ty con	Mua vật tư xây dựng	7.550.837.163	9.586.519.754
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	6.073.555.353	6.665.425.924
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Công ty con	Chi phí thầu phụ	5.046.773.997	5.046.773.997
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	1.343.100.000	1.467.823.500
			174.600.155.956	176.782.622.499
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	32.264.171.128	42.199.898.989
Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy	Công ty con	Thầu phụ dịch vụ xây dựng	5.443.988.382	-
			37.708.159.510	42.199.898.989
Người mua trả tiền trước dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	26.691.002.312	35.891.344.534
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	1.023.000.000	1.023.000.000
			27.714.002.312	36.914.344.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả của bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hòa Bình Jesco	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ	78.769.872.073	114.006.984.747
Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy	Công ty con	Chi phí thầu phụ	38.322.844.751	19.082.031.870
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí Mộc Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	19.155.583.428	8.839.201.813
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Ta	Công ty con	Chi phí thầu phụ	3.759.526.063	2.888.663.315
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	2.722.000.000	2.692.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Công ty con	Chi phí thầu phụ	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây dựng Hạ Tầng Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	1.652.777.778	-
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	Công ty con	Chi phí thầu phụ	1.262.787.075	1.027.939.173
			147.645.391.168	150.536.820.918
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây dựng Hạ Tầng Hòa Bình	Công ty con	Mượn tiền	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tiến Phát	Bên liên quan	Mượn tiền	30.002.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hòa Bình Huế	Công ty con	Chi hộ	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Hòa Bình Myanmar	Công ty con	Mượn tiền	353.114.410	544.500.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội	Công ty con	Chi hộ	94.600.000	100.000.000
			131.249.714.410	1.444.500.000
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Công ty con	Vay	100.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương và thưởng	<u>8.359.767.659</u>	<u>6.468.259.372</u>

32. CÁC CAM KẾT

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai vào ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	7.747.668.992	8.003.346.629
Từ 1 đến 5 năm	20.710.088.969	21.139.498.969
Trên 5 năm	7.515.696.988	9.889.074.984
TỔNG CỘNG	<u>35.973.454.949</u>	<u>39.031.920.582</u>

Các cam kết thực hiện công trình xây dựng

Công ty cam kết cung cấp các dịch vụ xây dựng vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 trị giá 18.261.286.395.320 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 15.328.057.591.744 VND).

33. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	68.117	23.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ



Phạm Hữu Toán
Người lập



Nguyễn Thị Nguyên Thủy
Kế toán trưởng


Lê Viết Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

